

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LỘC NINH  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

<sup>1</sup>  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **07/2019/HNGĐ – ST**

Ngày: 08-4-2019

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Quang Minh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bùi Quang Phú

2. Bà Trần Xuân Đạm

**- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Ông Hoàng Văn Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Mai - Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 23/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2018, về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXXST - DS ngày 21 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Lê Đức N**, sinh năm: 1981 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 6, Ấp 11B, xã Lộc Thiện, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm: 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Hiệp Quyết, xã Lộc Hiệp, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 10 năm 2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn - ông Lê Đức N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị D tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Thiện, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, thiếu sự quan tâm, chia sẻ nên cuộc sống không hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2010 cho đến nay. Nay ông yêu cầu được ly hôn với bà D.

Về con: Ông và bà D không có con chung, không nhận ai làm con nuôi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết trong vụ án.

*Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà D trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Đức N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Thiện, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Hiện bà không có mang thai và không có nuôi con dưới 12 tháng tuổi. Nay ông N yêu cầu ly hôn với bà thì bà đồng ý.

Về con: Ông và bà D không có con chung, không nhận ai làm con nuôi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết trong vụ án.

*Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:*

Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký và Hội thẩm nhân dân tuân thủ quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành pháp luật.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông N. Cho ông N được ly hôn với bà D.

Về con, tài sản chung và nợ chung: Ông N và bà D thống nhất không có và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ án nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn ông Lê Đức N nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị D, yêu cầu của ông N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà D cư trú tại ấp Hiệp Quyết, xã Lộc Hiệp, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn chấp hành pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/02/2019, bị đơn bà Nguyễn Thị D có ý kiến xin vắng suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Đức N, sinh năm: 1981 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1990 tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Thiện, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Vì vậy, về quan hệ hôn nhân giữa ông N và bà D là hợp pháp.

Quá trình chung sống, Ông N và bà D đều xác định vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Hiện bà D không có mang thai và không có nuôi con dưới 12 tháng tuổi, đồng thời bà D đồng ý ly hôn với ông N. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông N.

Về con, tài sản chung và nợ chung: Ông N và bà D thống nhất không có và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ án, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, ông N phải chịu số tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 39 Bộ luật dân sự;
- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### ***Tuyên xử:***

- 1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đức N;
- Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Lê Đức N được ly hôn với bà Nguyễn Thị D.
- Về con, tài sản chung và nợ chung: Ông N và bà D thống nhất không có và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

2/ Về án phí: Ông Lê Đức N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tiền số: 0006298 ngày 11/12/2018.

3/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

#### ***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKS huyện Lộc Ninh;
- THADS huyện Lộc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Quang Minh**